

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **59/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 14 tháng 05 năm 2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hà

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 05 năm 2026 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXX-ST ngày 03 tháng 04 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2026, giữa các đương sự:

* *N đơn:* Bà Nguyễn Thu T, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn Phú Đ, xã Tam X, thành phố Đ. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm: 1988; Địa chỉ: K317/10 đường Nguyễn Phước N, phường An K, thành phố Đ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, N đơn là bà Nguyễn Thu T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu T và ông Nguyễn Đức T kết hôn với nhau, ngày 10/01/2024 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An K, quận Thanh K (nay là phường An K), thành phố Đ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường An K, thành phố Đ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, N nhân là do tính tình, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc. Ông T nghi ngờ bà ngoại tình, cho rằng bà có con

với người khác, xúc phạm danh dự và do vô cớ đuổi bà T ra khỏi nhà nên từ tháng 12 năm 2025 bà T đã về lại nhà cha ruột tại thôn Phú Đ, xã Tam X, thành phố Đ sinh sống. Do mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nên bà T đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng xem xét giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Đức T. Tại phiên tòa ông T cũng đồng ý ly hôn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thu T xác nhận bà và ông Nguyễn Đức T có 01 con chung Nguyễn Đức Trí - sinh ngày 22/01/2024. Ly hôn, bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức Trí. Quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu ông Nguyễn Đức T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T không đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng vì cho rằng từ khi bà sinh cháu Trí thì bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Khi vợ chồng sống ly thân, bà đưa cháu Trí về nhà cha mẹ ruột tại thôn Phú Đ, xã Tam X, thành phố Đ để chăm sóc. Mặc dù ở quê nhưng bà có công việc cho thu nhập ổn định trên 10.000.000 đồng từ việc bán hàng online, thời gian làm việc chủ động, linh hoạt đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nhỏ. Vào tháng 3 năm 2026, do ông T năn nỉ nên bà có cho cháu về nhà cha mẹ chồng chơi và bà vẫn thường xuyên ghé thăm nom con. Bản thân ông T làm công việc phụ giúp cha mẹ giao hàng, thường xuyên không có mặt tại nhà, con chủ yếu do ông bà nội đã lớn tuổi chăm sóc nên mặc dù gia đình ông T có điều kiện kinh tế tốt hơn nhưng việc giao con cho ông T nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thu T xác nhận không có.

*** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức T T nhất như lời trình bày của bà T về thời gian, điều kiện kết hôn. Ông T kết hôn với bà T năm 2024 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An K, quận Thanh K (nay là phường An K), thành phố Đ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường An K, thành phố Đ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, N nhân là do tính tình, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không hạnh phúc nên tháng 12 năm 2025 bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột và khởi kiện ly hôn đối với ông thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho vợ chồng ông bà.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án do có sự nghi ngờ nên ông T yêu cầu tiến hành xét nghiệm ADN để xác định quan hệ huyết T giữa ông T và cháu Nguyễn Đức Trí - sinh ngày 22/01/2024 rồi mới có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T, nếu là con ruột thì sẽ đồng ý chu cấp cho con. Tại phiên tòa, ông T

khẳng định cháu Nguyễn Đức Trí - sinh ngày 22/01/2024 là con ruột của ông với bà T. Ông T không đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng vì nhà cha mẹ ruột bà T ở quê, mẹ bà T đã mất, điều kiện sinh hoạt, ăn ở không được như thành phố, đi lại thăm nom khó khăn, không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung. Hai tháng nay, ông đón cháu Trí về sống cùng có ông bà nội yêu thương, chăm sóc. Bản thân ông làm kinh doanh tại gia đình, thu nhập ổn định nên ông T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đức T xác nhận không có.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng T nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Đảm bảo cho các đương sự thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình; Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thu T và ông Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thu T, giao con chung Nguyễn Đức Trí - sinh ngày 22/01/2024 cho bà Nguyễn Thu T trực tiếp nuôi dưỡng con. Ông Nguyễn Đức T không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thu T, ông Nguyễn Đức T xác nhận không có nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thu T khởi kiện “Ly hôn” đối với bị đơn là ông Nguyễn Đức T có địa chỉ cư trú tại phường An K, thành phố Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2025).

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu T và ông Nguyễn Đức T có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2024, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An K, quận Thanh K (nay là phường An K), thành phố Đ. Việc kết hôn

giữa bà T và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối và không trái với quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp.

HĐXX xét thấy tại phiên tòa, bà Nguyễn Thu T và ông Nguyễn Đức T cùng cho rằng trong thời gian chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, N nhân là do tính tình, quan điểm sống không hòa hợp nhau, vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc và hiện nay sống ly thân, phần ai nấy sống không còn tình cảm gì với nhau nên mong muốn thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thu T và ông Nguyễn Đức T.

- *Về con chung* : Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thu T và ông Nguyễn Đức T cùng xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đức Trí - sinh ngày 22/01/2024. Ly hôn, bà T và ông T đều có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức Trí và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đương sự đều không đưa ra được chứng cứ xác thực chứng minh thu nhập của mình và không có thỏa thuận phù hợp với lợi ích của cháu Trí. Ông T cho rằng bà T không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nhưng cũng không cung cấp bất cứ tài liệu gì để chứng minh. Cháu Nguyễn Đức Trí - sinh ngày 22/01/2024 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/05/2026) mới được 27 tháng 23 ngày tuổi - dưới 36 tháng tuổi. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Hơn nữa, N nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn trong vụ án này lỗi chủ yếu từ phía ông T nên mặc dù tại phiên tòa, các bên đương sự đều công nhận hiện nay cháu Trí đang được gia đình ông T chăm sóc nhưng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình cháu Nguyễn Đức Trí cần được ưu tiên giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thu T, giao con chung Nguyễn Đức Trí - sinh ngày 22/01/2024 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của ông Nguyễn Đức T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thu T không yêu cầu ông Nguyễn Đức T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thu T và ông Nguyễn Đức T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thu T tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 26/05/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định pháp luật trong giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thu T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thu T và ông Nguyễn Đức T.

- *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Đức Trí - sinh ngày 22/01/2024 cho bà Nguyễn Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đức T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* không có

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thu T tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006817 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. (*bà T đã nộp xong án phí Hôn nhân và gia đình*)

3. Quyền kháng cáo: N đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, ngày 14/05/2026.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
 - Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
 - UBND phường An Khê,
TP Đà Nẵng;
- (Giấy CNKH số 06/2024

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ngày 10/01/2024)

- Hồ sơ vụ án.



Phạm Thị Thanh Thủy

Xét, quá trình giải quyết vụ án, do có sự nghi ngờ, nên ông T trình bày tại bản tự khai (không ghi ngày, tháng, năm) “*yêu cầu xét nghiệm ADN để xác thực đứa bé Nguyễn Đức Trí - sinh ngày 22/01/2024 có phải con ruột không? Nếu là con ruột ông T sẽ đồng ý chu cấp cho con*”. Tuy nhiên, sau đó ông T không đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ việc dân sự về xác định không phải cha con giữa ông T và cháu Nguyễn Đức Trí. Tại phiên tòa, ông T xác nhận cháu Trí là con ruột của ông không yêu cầu xét nghiệm ADN để xác định quan hệ huyết T nhưng cho rằng việc giao con chung cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng không đảm bảo quyền lợi của cháu Trí nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà T

không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mặc dù về kinh tế bà T cũng khẳng định gia đình ông có điều kiện tốt hơn. Các bên đều không đưa ra được chứng cứ xác thực chứng minh thu nhập của mình và không có thỏa thuận phù hợp với lợi ích của cháu Trí.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội Thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

